

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN K
TỈNH GIA LAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2023/HS-ST
Ngày 18 – 01 – 2023

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN K, TỈNH GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Khắc Toàn.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Tạ Thị Hải và ông Nguyễn Văn Liễu

- Thư ký phiên tòa: Ông Đinh Hải Biễn - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Gia Lai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa: Ông Trịnh Việt Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 01 năm 2023 tại Trụ sở TAND huyện K, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 39/2022/HSST ngày 11 tháng 10 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 41/2022/QĐXXST-HS ngày 09 tháng 11 năm 2022 đối với các bị cáo:

1. La Văn T, sinh năm 1980 tại huyện N, tỉnh Bắc Kạn; Nơi cư trú: Thôn C, xã C, huyện K, tỉnh Đắk Lắk; Nghề nghiệp: Làm nông; Trình độ văn hoá: 04/12; dân tộc: Tày; giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Thanh P và bà Nông Thị T (Đều đã chết); có vợ và 03 con; Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: tốt; bị cáo bị bắt tạm giữ ngày 06/5/2022, chuyển sang tạm giam ngày 12/5/2022, đến ngày 04/8/2022 được thay thế biện pháp tạm giam bằng biện pháp bảo lãnh, hiện có mặt tại phiên tòa.

2. Sầm Văn H, sinh năm 1986 tại huyện N, tỉnh Bắc Kạn; Nơi cư trú: Thôn T, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk; Nghề nghiệp: Làm nông; Trình độ văn hoá: 06/12; dân tộc: Nùng; giới tính: Nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Sầm Văn H (đã chết) và bà Hoàng Thị Y; có vợ và 02 con, con nhỏ nhất sinh năm 2017; Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: tốt; bị cáo bị bắt tạm giữ ngày 06/5/2022, chuyển sang tạm giam ngày 12/5/2022, đến ngày 04/8/2022 được thay thế biện pháp tạm giam bằng biện pháp bảo lãnh, hiện có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại: Ban quản lý rừng phòng hộ Nam Sông B.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Đình S, sinh năm 1966. Có mặt.
Nơi cư trú: Tổ dân phố 6, thị trấn P, huyện K, tỉnh Gia Lai.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

+ Anh Hoàng Văn D, sinh năm 1985. Có mặt.

Nơi cư trú: Thôn T, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

+ Ông Sầm Văn H1, sinh năm 1981. Có mặt.

Nơi cư trú: Thôn T, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

+ Anh Nông Văn T, sinh năm 1995. Có mặt.

Nơi cư trú: Thôn T, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

+ Ông Nguyễn Đức L, sinh năm 1974. Vắng mặt.

Nơi cư trú: Thôn 12, xã P, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

+ Ông Hoàng Văn Đ, sinh năm 1967. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

Nơi cư trú: Thôn Tam T, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

- *Người phiên dịch tiếng Tày:* Ông Hoàng Văn Pèo, sinh năm 1963. Có mặt.

Nơi cư trú: Tổ dân phố 7, thị trấn Phú Túc, huyện Krông Pa, tỉnh Gia Lai.

- *Người phiên dịch tiếng Nùng:* Ông Hà Văn Van, sinh năm 1969. Có mặt.

Nơi cư trú: Tổ dân phố 6, thị trấn Phú Túc, huyện Krông Pa, tỉnh Gia Lai.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào đầu tháng 12/2021, trong một lần uống rượu tại nhà Hoàng Văn D, La Văn T rủ D và Sầm Văn H vào rừng khai thác gỗ thì D và H đồng ý. Vào một ngày giữa tháng 12/2021, T, H cùng D điều khiển 03 xe mô tô độ chế và cưa 01 chiếc cưa xích của T vào khu vực Lô 4, 9, Tiểu khu 1396 cưa hạ 03 cây gỗ (SP5, được đánh số trong biên bản khám nghiệm là 10, 11, 12). Tại đây, T và H thay nhau cưa hạ cây gỗ cắt từng khúc dài khoảng 2 mét rồi xẻ hộp vuông từ 20cm trở lên, còn D phụ lật gỗ và dùng xe mô tô vận chuyển số gỗ trên về nhà T với tổng khối lượng 7,969m³. Sau đó T bán số gỗ khai thác được cho Nguyễn Đức L trú tại Thôn 12, xã P, huyện K, Đắk Lắk được số tiền 14.000.000 đồng. Sau khi trả các chi phí xăng, dầu, xích cưa, T trả công cho D số tiền 800.000 đồng, số tiền còn lại T và H chia nhau mỗi người 4.000.000 đồng.

Đến tháng 3 năm 2022, T tiếp tục rủ H vào Lô 7, Tiểu khu 1396 cưa hạ 1 cây mít nài (được đánh số trong biên bản khám nghiệm là cây số 9) với khối lượng gỗ bị khai thác là 4,697m³. Sau đó bán gỗ cho một người đi đường, không rõ nhân thân lai lịch với số tiền 3.000.000 đồng. Sau khi trừ chi phí, T và H chia nhau mỗi người 1.000.000 đồng.

Tháng 4 năm 2022, T rủ H và Sầm Văn H1 (anh trai H) vào Lô 4,7, Tiểu khu 1396 cưa hạ 7 cây gỗ kháo (được đánh số trong biên bản khám nghiệm là cây số 2, 3, 4, 5, 6, 7 và 8) với khối lượng gỗ bị khai thác là $6,525\text{m}^3$ bán cho Nông Văn T trú tại thôn T, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk với số tiền 22.000.000 đồng và bán cho Hoàng Văn Đ trú tại thôn T, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk với giá 9.000.000 đồng. Sau khi trừ chi phí khai thác, T trả cho H 1.200.000 đồng. Số tiền còn lại, T và H mỗi người chia nhau 10.000.000 đồng.

Ngày 6/5/2022, T và H vào Lô 4 Tiểu khu 1396 cưa hạ 1 cây Mít nài, xẻ thành 4 hộp gỗ kích thước (13 x 25 x 280) cm, khối lượng gỗ bị khai thác là $0,481\text{m}^3$, khi đang trên đường vận chuyển về nhà thì bị lực lượng chức năng bắt giữ.

Kết quả khám nghiệm hiện trường xác định: Địa điểm khai thác rừng trái pháp luật thuộc Lô 7, 9, Khoảnh 6; Lô 4, Khoảnh 9 Tiểu khu 1396, thuộc Ban quản lý rừng phòng hộ Nam Sông Ba, xã Chư Drăng, huyện Krông Pa, Gia Lai, loại rừng sản xuất, trạng thái rừng: Rừng gỗ tự nhiên núi đất thường xanh trung bình (TXB) và Rừng gỗ tự nhiên núi đất lá rộng thường xanh giàu (TXG). Áp dụng Biểu tượng quan đê tính, tổng khối lượng gỗ củi bị thiệt hại là $19,672\text{m}^3$. Trong đó 03 cây gỗ nhóm SP5 do La Văn T, Sầm Văn H khai thác cùng Hoàng Văn D khai thác có tổng khối lượng là $7,969\text{m}^3$; 07 cây gỗ do La Văn T, Sầm Văn H khai thác cùng Sầm Văn H1 có tổng khối lượng là $6,525\text{m}^3$.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 24/KL-HĐĐGTS ngày 16/8/2022 của Hội đồng định giá trong Tổ tụng hình sự huyện K xác định: Tổng giá trị thiệt hại về lâm sản đối với $19,672\text{m}^3$ gỗ có giá trị là 78.898.050 đồng. Tại bản Kết luận giám định tư pháp ngày 23/8/2022 do giám định viên Nguyễn Trọng H thuộc giám định viên của Sở nông nghiệp và phát triển nông thôn tỉnh Gia Lai xác định giá trị thiệt hại về môi trường của 12 cây gỗ bị khai thác là 134.343.804 đồng. Tổng thiệt hại về gỗ củi và môi trường rừng do khai thác trái phép 12 cây gỗ rừng là 213.241.854 đồng.

Ông Nguyễn Đình S là người đại diện theo pháp luật của bị hại Ban quản lý rừng phòng hộ Nam Sông B yêu cầu các bị cáo bồi thường toàn bộ thiệt hại gây ra nhưng có đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo và người đại diện theo pháp luật của bị hại không có ý kiến hay khiếu nại gì về kết luận của Hội đồng định giá và giám định viên Sở nông nghiệp và phát triển nông thôn tỉnh Gia Lai nêu trên.

Đối với hành vi vi phạm của Hoàng Văn D và Sầm Văn H1 khai thác gỗ trong rừng sản xuất, trong đó Hoàng Văn D khai thác khối lượng $7,969\text{m}^3$ gỗ còn Sầm Văn H1 khai thác $6,525\text{m}^3$. Bản thân Hoàng Văn D và Sầm Văn H1 là người chưa vi phạm pháp luật về lĩnh vực Bảo vệ rừng. Do vậy, hành vi của Hoàng Văn D và Sầm Văn H1 không đủ yếu tố cấu thành tội “Vi phạm quy định về khai thác bảo vệ rừng và lâm sản” quy định tại khoản 1 Điều 232 Bộ luật Hình sự cũng như các tội phạm khác. Tuy nhiên, hành vi khai thác trái pháp luật từ 7m^3 đến dưới 10m^3 gỗ rừng tự nhiên của D đã vi phạm điểm a khoản 1 Điều 13 Nghị định 35/2019 ngày

25/4/2019 của Chính phủ có mức phạt từ 70.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng. Hành vi khai thác trái pháp luật từ 5m³ đến dưới 7m³ gỗ rừng tự nhiên của H1 đã vi phạm điểm a khoản 1 Điều 13 Nghị định 35/2019 ngày 25/4/2019 của Chính phủ có mức phạt từ 50.000.000 đồng đến 70.000.000 đồng. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện K đã chuyển hồ sơ đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện K ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với Hoàng Văn D và Sầm Văn H1 bằng hình thức phạt tiền. Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Krông Pa đã ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 38/QĐ-XPHC ngày 21/9/2022 đối với Sầm Văn H1 phạt số tiền 60.000.000 đồng và Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 39/QĐ-XPHC ngày 21/9/2022 đối với Hoàng Văn D phạt số tiền 85.000.000 đồng.

Đối với hành vi vận chuyển mua bán lâm sản trái phép của Nguyễn Đức L, Nông Văn T, Hoàng Văn Đ xảy ra trên địa giới hành chính huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Cơ quan CSĐT Công an huyện K đã chuyển hồ sơ tài liệu đến Hạt kiểm lâm huyện K, tỉnh Đắk Lắk xác minh, xử lý theo quy định của pháp luật.

Tại bản cáo trạng số 39/CT-VKS ngày 10 tháng 10 năm 2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện K, tỉnh Gia Lai truy tố các bị cáo La Văn T và Sầm Văn H về tội “*Vi phạm quy định về khai thác, bảo vệ rừng và lâm sản*” theo điểm b khoản 1 Điều 232 của Bộ luật Hình sự 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017 (sau đây gọi tắt là BLHS).

Tại phiên tòa các bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội của mình như bản cáo trạng đã nêu.

Kiểm sát viên thực hành quyền công tố tại phiên tòa, vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố đối với các bị cáo La Văn T và Sầm Văn H về tội “*Vi phạm quy định về khai thác, bảo vệ rừng và lâm sản*”, đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử (sau đây gọi tắt là HĐXX):

Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 232; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 58 của BLHS: xử phạt bị cáo La Văn T từ 10 tháng 13 tháng tù. Xử phạt bị cáo Sầm Văn H từ 09 tháng đến 12 tù.

Áp dụng khoản 1 Điều 42 của BLHS; Điều 288, 584, 585, 586, 589 của Bộ luật Dân sự: Tại phiên tòa các bị cáo T, H và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Sầm Văn H1, Hoàng Văn D tự nguyện thỏa thuận bồi thường toàn bộ giá trị thiệt hại cho bị hại tổng cộng số tiền 213.241.854 đồng. Nhưng được trừ đi 04 hộp gỗ đã thu giữ của các bị cáo tại hiện trường có giá trị 1.600.000 đồng, số tiền các bị cáo còn phải bồi thường là: 213.241.854 đồng – 1.600.000 đồng = 211.641.854 đồng. Cụ thể: bị cáo T bồi thường 70.820.927 đồng nhưng được trừ đi số tiền 15.000.000 đồng bị cáo đã nộp bồi thường tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện K nên bị cáo phải tiếp tục bồi thường là 70.820.927 - 15.000.000 đồng = 55.820.927 đồng, bị cáo H bồi thường 70.820.927 đồng được trừ đi số tiền 13.000.000 đồng bị cáo đã nộp bồi thường tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện K nên bị cáo phải tiếp tục bồi thường là 70.820.927 - 13.000.000 đồng = 57.820.927 đồng, H1 bồi thường

35.000.000 đồng được trừ đi số tiền 1.200.000 đồng đã nộp bồi thường tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện K, nên H1 phải tiếp tục bồi thường là 35.000.000 đồng - 1.200.000 đồng = 33.800.000 đồng và D bồi thường 35.000.000 đồng được trừ đi số tiền 800.000 đồng đã nộp bồi thường tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện K, nên D phải tiếp tục bồi thường là 35.000.000 đồng - 800.000 đồng = 34.200.000 đồng.

Tịch thu sung quỹ Nhà nước: 04 (Bốn) hộp gỗ xẻ (khảo nhóm VI) cùng có kích thước dài 280cm, rộng 25cm và dày 13cm, tổng cộng khối lượng 0,357 m³ và 01 (Một) cửa xích nhãn hiệu STIHL màu Cam (Lam cửa tách rời khỏi máy). Tạm giao cho Chi cục Thi hành án dân sự huyện K bảo quản 02 (Hai) xe mô tô độ chế không có biển số, xe đã cũ và không hoạt động được. Hết thời hạn theo quy định pháp luật thì sung quỹ Nhà nước.

Buộc các bị cáo T và H phải chịu án phí hình sự và dân sự sơ thẩm; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan D, H1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm để sung quỹ Nhà nước.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, HĐXX nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng:

Cơ quan điều tra Công an huyện K, tỉnh Gia Lai, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện K, tỉnh Gia Lai, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi tố tụng, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của các bị cáo:

Vào đầu tháng 12/2021 đến ngày 06/5/2022, bị cáo La Văn T rủ bị cáo Sầm Văn H, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Hoàng Văn D và Sầm Văn H1 khai thác trái phép 12 cây gỗ thuộc lô 7, 9, Khoảnh 6; Lô 4, Khoảnh 9 Tiểu khu 1396, thuộc lâm phần Ban quản lý rừng phòng hộ Nam Sông Ba quản lý, loại rừng sản xuất. Trong đó thiệt hại 19,672m³ gỗ có giá trị là 78.898.050 đồng và thiệt hại môi trường rừng do khai thác trái phép 12 cây gỗ rừng là 134.343.804 đồng, tổng thiệt hại là 213.241.854 đồng.

Việc các bị cáo La Văn T và Sầm Văn H tự ý dùng cưa xẻng khai thác cây rừng tại lô 7, 9, Khoảnh 6; Lô 4, Khoảnh 9 Tiểu khu 1396, Lâm phần Ban quản lý rừng phòng hộ Nam Sông B, xã U, huyện K, thuộc loại rừng sản xuất để lấy gỗ bán mà không có sự đồng ý của cơ quan có thẩm quyền là đã phạm vào tội “*Vi phạm quy định về khai thác, bảo vệ rừng và lâm sản*”. Số lượng cây rừng mà các bị cáo khai thác lấy gỗ là 19,672m³ đã thỏa mãn định mức được quy định tại điểm b khoản 1 Điều 232 của BLHS. Nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện K đã ra Quyết định khởi tố vụ án hình sự số 14 ngày 12/5/2022 về tội “*Vi phạm quy định về khai thác, bảo vệ rừng và lâm sản*” là đúng luật định. Như vậy, hành vi phạm tội của các bị cáo rõ ràng là có lỗi và sai trái với đường lối, chính sách pháp luật hình sự của Nhà nước ta, nay phải chịu trách nhiệm hình sự và hậu quả pháp lý đã gây ra.

Lời nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với nội dung bản cáo trạng và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án. HĐXX có đủ căn cứ để kết luận hành vi của các bị cáo T và H phạm vào tội “*Vi phạm quy định về khai thác, bảo vệ rừng và lâm sản*”, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm b khoản 1 Điều 232 của BLHS. Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện K truy tố các bị cáo về hành vi theo tội danh trên là có căn cứ pháp luật.

[3] Về tình tiết định khung hình phạt:

Hành vi của các bị cáo T và H khai thác trái phép 19,672m³ gỗ rừng không vi phạm các tình tiết định khung tăng nặng khác nên chỉ bị xét xử ở điểm b khoản 1 Điều 232 của BLHS là phù hợp.

[4] Về tính chất, vai trò, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và hình phạt:

[4.1]. Về tính chất:

Các bị cáo T và H là người bình thường, có đủ năng lực để nhận thức được hành vi khai thác trái phép cây rừng lấy gỗ để bán là vi phạm pháp luật, nhưng muốn hưởng lợi bất chính nên đã cố ý thực hiện gây thiệt hại nghiêm trọng đến tài nguyên rừng của quốc gia đang được Nhà nước và nhân dân quan tâm chăm sóc và bảo vệ.

[4.2] Về vai trò:

Hành vi mà các bị cáo T và H khai thác cây gỗ rừng trái phép tuy có nhiều người cùng thực hiện hành vi phạm tội nhưng không có sự thống nhất, bàn bạc từ trước, không có sự tổ chức câu kết chặt chẽ với nhau, không phân công công việc cụ thể cho nhau, không lên kế hoạch thực hiện, không có người chỉ huy, cầm đầu nên đây là loại đồng phạm giản đơn. Các bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự chung đối với hành vi phạm tội này.

Trong vụ án này, bị cáo T là người chủ mưu khởi xướng rủ bị cáo khác thực hiện việc khai thác cây rừng lấy gỗ để bán, cho nên bị cáo T phải chịu trách nhiệm hình sự cao nhất, rồi đến bị cáo H.

[4.3]. Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Các bị cáo T và H là người có nhân thân tốt, không có tiền án, tiền sự, không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự; các bị cáo phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, mặc dù hoàn cảnh kinh tế khó khăn nhưng T đã tự nguyện bồi thường thiệt hại 15.000.000 đồng, H bồi thường 13.000.000 đồng, tại phiên tòa các bị cáo đã tỏ ra thành khẩn khai báo, thật sự có thái độ ăn năn, hối cải về hành vi phạm tội của mình, đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho các bị cáo khi lượng hình được quy định tại b, i, s khoản 1 Điều 51 của BLHS.

Ngoài ra tại phiên tòa người đại diện theo pháp luật của bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo; Các bị cáo T, H là người dân tộc thiểu số, cư trú tại vùng sâu, vùng xa, có sự nhận thức hạn chế về pháp luật, đi khai thác cây rừng bán lấy tiền phục vụ cho nhu cầu thiết yếu của cuộc sống. Đây được coi là các tình tiết giảm nhẹ khác được áp dụng cho các bị cáo được quy định tại khoản 2 Điều 51 của BLHS.

Xét tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân của các bị cáo, cân nhắc các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát thì HĐXX thấy các bị cáo lần đầu thực hiện hành vi phạm tội, có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, là người dân tộc thiểu số cư trú tại vùng sâu, vùng xa, có sự nhận thức hạn chế về pháp luật, có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của BLHS. Nhưng hành vi của các bị cáo gây thiệt hại đến tài nguyên rừng đang được bảo vệ. Nên thấy cần thiết phải áp dụng hình phạt nghiêm khắc là cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định để nhằm mục đích trừng trị nhưng cũng giúp cho các bị cáo có cơ hội sửa chữa lỗi lầm, cải tạo trở thành công dân có ích cho xã hội, có ý thức tuân theo pháp luật và các quy tắc của cuộc sống, đồng thời qua đó răn đe và phòng ngừa loại tội phạm này tái diễn trên địa bàn huyện K đang có chiều hướng gia tăng trong thời gian gần đây.

Lời luận tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa về điều luật áp dụng, các tình tiết giảm nhẹ và mức hình phạt là có căn cứ và phù hợp pháp luật nên HĐXX chấp nhận.

[5] Về trách nhiệm dân sự:

Người đại diện theo pháp luật của bị hại yêu cầu các bị cáo và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Sâm Văn H1, Hoàng Văn D phải bồi thường toàn bộ thiệt hại về lâm sản và thiệt hại về môi trường với tổng cộng số tiền 213.241.854 đồng theo như kết quả định giá và kết luận là có căn cứ. Nhưng được trừ đi 04 hộp gỗ đã thu giữ của các bị cáo tại hiện trường có giá trị 1.600.000 đồng, số tiền còn phải bồi thường là: 213.241.854 đồng – 1.600.000 đồng = 211.641.854 đồng.

Tại phiên toà các bị cáo T, H và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Sầm Văn H, Hoàng Văn D tự nguyện thoả thuận bồi thường toàn bộ số tiền 211.641.854 đồng cho bị hại cụ thể là: bị cáo T bồi thường 70.820.927 đồng nhưng được trừ đi số tiền 15.000.000 đồng bị cáo đã tạm nộp bồi thường tại Chi cục thi hành án dân sự huyện K nên bị cáo tiếp tục bồi thường là $70.820.927 - 15.000.000$ đồng = 55.820.927 đồng, bị cáo H bồi thường 70.820.927 đồng được trừ đi số tiền 13.000.000 đồng bị cáo đã nộp bồi thường tại Chi cục thi hành án dân sự huyện K nên bị cáo phải tiếp tục bồi thường là $70.820.927 - 13.000.000$ đồng = 57.820.927 đồng, H1 bồi thường 35.000.000 đồng được trừ đi số tiền 1.200.000 đồng đã nộp bồi thường tại Chi cục thi hành án dân sự huyện K, nên H1 phải tiếp tục bồi thường là $35.000.000 - 1.200.000$ đồng = 33.800.000 đồng và D bồi thường 35.000.000 đồng được trừ đi số tiền 800.000 đồng đã nộp bồi thường tại Chi cục thi hành án dân sự huyện K, nên D phải tiếp tục bồi thường là $35.000.000 - 800.000$ đồng = 34.200.000 đồng.

Việc các bị cáo và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan tự nguyện thoả thuận bồi thường toàn bộ thiệt hại cho bị hại như trên là thể hiện ý trí tự nguyện và phù hợp quy định pháp luật, nên HĐXX ghi nhận và buộc các bị cáo và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan phải thực hiện.

[6] Về xử lý vật chứng:

02 (Hai) xe mô tô độ chế không có biển số, xe đã cũ và không hoạt động được, không có giấy tờ hợp pháp, không xác định được chủ sở hữu và người quản lý hợp pháp. Do vậy, cần phải tạm giao cho Chi cục Thi hành án dân sự huyện K, tỉnh Gia Lai quản lý và bảo quản theo quy định của pháp luật.

04 (Bốn) hộp gỗ xẻ (kháo nhóm VI) cùng có kích thước dài 280cm, rộng 25cm và dày 13cm, tổng cộng khối lượng 0,357 m³ và 01 (Một) cửa xích nhãn hiệu STIHL màu Cam (Lam cửa tách rời khỏi máy) có giá trị nên tịch thu sung quỹ Nhà nước.

Đặc điểm chi tiết vật chứng theo biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 11/10/2022 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện K và Chi cục Thi hành án dân sự huyện K.

[7] Về hình phạt bổ sung:

Các bị cáo T và H thuộc diện gia đình khó khăn không có việc làm và thu nhập ổn định được chính quyền địa phương nơi cư trú xác nhận cho nên HĐXX quyết định không phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[8] Về vấn đề liên quan khác:

Đối với hành vi phạm tội của Hoàng Văn D và Sầm Văn H1 khai thác gỗ trong rừng sản xuất, trong đó Hoàng Văn D khai thác khối lượng 7,969m³ gỗ còn Sầm Văn H1 khai thác 6,525m³ gỗ. Bản thân Hoàng Văn D và Sầm Văn H1 là người chưa vi phạm pháp luật về lĩnh vực Bảo vệ rừng. Do vậy, hành vi của Hoàng Văn D và Sầm Văn H1 không đủ yếu tố cấu thành tội “Vi phạm quy định về khai

thác bảo vệ rừng và lâm sản” quy định tại khoản 1 Điều 232 Bộ luật Hình sự cũng như các tội phạm khác. Đã bị Chủ tịch UBND huyện K ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với Hoàng Văn D và Sầm Văn H1 bằng hình thức phạt tiền là phù hợp. Nay HĐXX không xem xét đến.

Đối với hành vi vận chuyển mua bán lâm sản trái phép của Nguyễn Đức L, Nông Văn T, Hoàng Văn Đ xảy ra trên địa giới hành chính huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Cơ quan CSĐT Công an huyện K đã chuyển hồ sơ tài liệu đến Hạt kiểm lâm huyện K, tỉnh Đắk Lắk xác minh, xử lý theo quy định của pháp luật là phù hợp. Nay HĐXX không xem xét đến.

[8] Về án phí:

Buộc các bị cáo T và H phải chịu án phí hình sự và dân sự sơ thẩm, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là D, H1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm để sung quỹ Nhà nước.

Trong vụ án này, bị hại Ban quản lý rừng phòng hộ Nam Sông B cũng có một phần trách nhiệm, thiếu kiểm tra, kiểm soát đối với diện tích rừng được Nhà nước giao quản lý, bảo vệ để xảy ra tình trạng khai thác lâm sản, gây thiệt hại nghiêm trọng đến tài sản của Nhà nước. Do đó, thông qua Bản án này, Hội đồng xét xử kiến nghị với cơ quan có thẩm quyền xem xét trách nhiệm của bị hại Ban quản lý rừng phòng hộ Nam Sông B trong việc để xảy ra tình trạng khai thác rừng trái phép, gây thiệt hại đến tài sản của Nhà nước nêu trên.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố các bị cáo La Văn T và Sầm Văn H phạm tội “*Vi phạm quy định về khai thác, bảo vệ rừng và lâm sản*”.

1. Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 232; Điều 38; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 58 của Bộ luật Hình sự,

Xử phạt bị cáo La Văn T 10 (Mười) tháng tù. Thời hạn phạt tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án nhưng được trừ đi thời hạn đã tạm giữ, tạm giam từ ngày 06/5/2022 đến ngày 04/8/2022.

Xử phạt bị cáo Sầm Văn H 09 (Chín) tháng tù. Thời hạn phạt tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án nhưng được trừ đi thời hạn đã tạm giữ, tạm giam từ ngày 06/5/2022 đến ngày 04/8/2022.

2. Áp dụng khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; Điều 288, 584, 585, 586, 589 của Bộ luật Dân sự,

Buộc các bị cáo La Văn T và Sầm Văn H, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Sầm Văn H1, anh Hoàng Văn D phải bồi thường cho Ban quản lý rừng phòng hộ Nam Sông B tổng số tiền là 211.641.854 đồng (Hai trăm mười một triệu

sáu trăm bốn mươi một nghìn tám trăm năm mươi bốn đồng). Cụ thể: Bị cáo La Văn T phải bồi thường 55.820.927 đồng (Năm mươi lăm triệu tám trăm hai mươi nghìn chín trăm hai mươi bảy đồng) bị cáo Sầm Văn H phải bồi thường 57.820.927 đồng (Năm mươi bảy triệu tám trăm hai mươi nghìn chín trăm hai mươi bảy đồng) và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Sầm Văn H1 phải bồi thường 33.800.000 đồng (Ba mươi ba triệu tám trăm nghìn đồng), anh Hoàng Văn D phải bồi thường 34.200.000 đồng (Ba mươi bốn triệu hai trăm nghìn đồng).

Trả cho Ban quản lý rừng phòng hộ Nam Sông B toàn bộ số tiền các bị cáo và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã nộp bồi thường hiện đang tạm giữ tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện K, tỉnh Gia Lai cụ thể là: bị cáo La Văn T đã nộp 15.000.000 đồng (Mười lăm triệu đồng) theo biên lai thu số 0003815 ngày 10/10/2022, bị cáo Sầm Văn H đã nộp 13.000.000 đồng (Mười ba triệu đồng) theo biên lai thu số 0003814 ngày 10/10/2022, anh Sầm Văn H1 đã nộp 1.200.000 đồng (Một triệu hai trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0003828 ngày 30/11/2022, anh Hoàng Văn D đã nộp 800.000 đồng (Tám trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0003827 ngày 30/11/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện K, tỉnh Gia Lai.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất được quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

3. Căn cứ khoản 1, điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự:

- Tịch thu sung quỹ Nhà nước: 04 (Bốn) hộp gỗ xẻ (kháo nhóm VI) cùng có kích thước dài 280cm, rộng 25cm và dày 13cm, tổng cộng khối lượng 0,357 m³ và 01 (Một) cửa xích nhãn hiệu STIHL màu Cam (Lam cửa tách rời khỏi máy).

- Tạm giao cho Chi Cục Thi hành án dân sự huyện K, tỉnh Gia Lai quản lý và bảo quản 02 (Hai) xe mô tô độ chế không có biển số, xe đã cũ và không hoạt động được, không có giấy tờ hợp pháp, không xác định được chủ sở hữu và người quản lý hợp pháp. Nếu trong thời hạn quy định tại Điều 228 của Bộ luật Dân sự 2015 mà chủ sở hữu hoặc người quản lý hợp pháp của 02 (Hai) xe mô tô trên có yêu cầu thì sẽ xem xét giải quyết theo thủ tục tố tụng dân sự. Hết thời hạn này, 02 (Hai) xe mô tô trên sẽ được sung quỹ Nhà nước.

Đặc điểm chi tiết vật chứng theo biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 11/10/2022 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện K, tỉnh Gia Lai và Chi cục Thi hành án dân sự huyện K, tỉnh Gia Lai.

4. Căn cứ vào Điều 135, 136 của Bộ luật Tố tụng Hình sự; điểm a, c Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Buộc các bị cáo La Văn T và Sầm Văn H mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm; bị cáo La Văn T phải nộp 2.791.046 đồng (Hai triệu bảy trăm chín mươi một nghìn không trăm bốn mươi sáu đồng) và bị cáo Sầm Văn H phải nộp 2.891.046 đồng (Hai triệu tám trăm chín mươi một nghìn không trăm bốn mươi sáu đồng) án phí dân sự sơ thẩm để sung quỹ Nhà nước.

Buộc người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Sầm Văn H1 phải nộp 1.690.000 đồng (Một triệu sáu trăm chín mươi nghìn đồng), anh Hoàng Văn D phải nộp 1.710.000 đồng (Một triệu bảy trăm mười nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm để sung quỹ Nhà nước.

Các bị cáo, người đại diện theo pháp luật của bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Hoàng Văn D, anh Nông Văn T, anh Sầm Văn H1 có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (18/01/2023), còn người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Hoàng Văn Đ, ông Nguyễn Đức L vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết công khai theo quy định pháp luật để yêu cầu Tòa án Nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND huyện K;
- Công an huyện K;
- Bị cáo; Bị hại;
- Người có QLNVLQ;
- Chi cục THADS h.K;
- Lưu HS vụ án, THA hình sự, VP;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Đỗ Khắc Toàn